

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024 ban hành kèm theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh trên địa bàn thành phố Móng Cái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ: Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Đất đai năm 2013 ngày 29/11/2013;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 về việc qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 về việc qui định về giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 quy định về khung giá đất;

Căn cứ: Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1351/QĐ-BTNMT ngày 04/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng HĐND tỉnh khóa XIII kỳ họp thứ 15 về việc thông qua phương án giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024;

Căn cứ Công văn số 689/2020/HĐND-KTNS ngày 09/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh "Về việc phương án bổ sung vị trí giá đất trong bảng giá đất của tỉnh";


Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 745/TTr-TNMT ngày 10/8/2020; Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh tại Thông báo số 3164/TB-HĐTĐGD ngày 03/7/2020; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 180/BC-STP ngày 16/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 ban hành kèm theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của

UBND tỉnh Quảng Ninh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

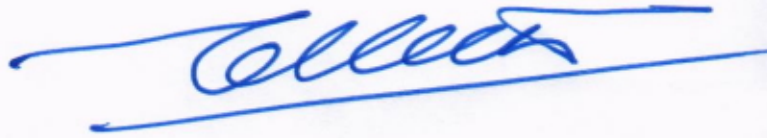
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2020.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế Quảng Ninh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thực hiện);
- CT, P1, P2, P3-UBND tỉnh (b/c);
- V0, V2, V3 QLĐĐ1,2,3;
- Lưu: VT, QLĐĐ2;
- Đ10bản, QĐ74.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Cao Tường Huy

PHỤ LỤC

Bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 1/1/2020 đến 31/12/2024 ban hành kèm theo Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 34/2020/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

3. THÀNH PHỐ MÓNG CÁI (ĐÔ THỊ LOẠI II)

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

STT	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)
I	XÃ QUẢNG NGHĨA (XÃ MIỀN NÚI)			
19	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 1	350.000	280.000	210.000
II	XÃ HẢI TIỀN (XÃ MIỀN NÚI)			
5.14	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 5	700.000	560.000	420.000
6.15	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 4	600.000	480.000	360.000
8.11	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 3B	400.000	320.000	240.000
III	XÃ HẢI ĐÔNG (XÃ MIỀN NÚI)			
6	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 4	450.000	360.000	270.000
7	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 5	600.000	480.000	360.000
8	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 10	500.000	400.000	300.000
VI	XÃ VĨNH TRUNG (XÃ MIỀN NÚI)			
9	Các điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn 3	400.000	320.000	240.000
VII	XÃ VĨNH THỰC (XÃ MIỀN NÚI)			
10	Điểm quy hoạch khu dân cư mới đối diện nhà bà Nguyễn Thị Nuôi thôn 2 (điểm số 1)	400.000	320.000	240.000
11	Điểm quy hoạch khu dân cư mới từ nhà ông Trần Văn Quyền đến nhà ông Từ Văn Tường thôn 2 (điểm số 2)	300.000	240.000	180.000
12	Điểm quy hoạch khu dân cư mới tại khu ruộng Bồng thôn 2 (điểm số 3)	300.000	240.000	180.000
VIII	XÃ HẢI SƠN (XÃ MIỀN NÚI)			
8	Điểm quy hoạch khu dân cư mới tại thôn Lục Chấn			
8.1	Các ô đất vị trí bám đường quốc lộ 18C	1.650.000	1.320.000	990.000
8.2	Các ô đất còn lại	500.000	400.000	300.000